

Số: 378/2023/QĐST/HNGĐ

M, ngày 19 tháng 12 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 359/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/11/2023, giữa:

- **Nguyên đơn: Chị Lương Thị Thanh T**, sinh năm 1987;

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: **Tổ D, thị trấn Q, huyện M, thành phố Hà Nội.**

- **Bị đơn: Anh Ngô Đình T1**, sinh năm 1983;

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: **Tổ D, thị trấn Q, huyện M, thành phố Hà Nội.**

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 24/2015, ngày 10/3/2015, tại **UBND thị trấn Q, huyện M, thành phố Hà Nội.**

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/12/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lương Thị Thanh T**

và anh Ngô Đình T1.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về con chung:** Vợ chồng có 01 con chung là Ngô Thanh T2, sinh ngày 30/11/2015.

Giao con chung Ngô Thanh T2, sinh ngày 30/11/2015 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T1 đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu T2 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/1 tháng; thời gian đóng góp kể từ tháng 01/2024 cho đến khi thành niên, đủ 18 tuổi; hình thức đóng góp: Chuyển khoản mỗi tháng 01 lần. Sau khi ly hôn anh T1 có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức; công nợ:** Không yêu cầu tòa án giải quyết, không xem xét.

- **Về án phí:** Chị T tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và nộp số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung thay anh T1. Xác nhận chị T đã nộp đủ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0008296 ngày 10/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**Nơi nhận:**

- VKSND Mê Linh.
- Chi cục THADS Mê Linh.
- CQ đã thực hiện việc ĐKKH
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ; VP.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Định**